

Ngày <b>31/03/2024</b>	<b>8,900 VNĐ</b>		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	<b>-1.1%</b>	<b>-1.1%</b>	<b>-7.3%</b>

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	7,374 - 10,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	325
Số lượng CPLH (CP)	36,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	26,860
Sở hữu nước ngoài	5.8%
Beta	0.85
EPS	-43
P/E	-208.7

**DT thuần**  
Q1/24

**986**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▼542| -35.5%  
YoY: ▲ 28.0| 2.9%

**LN trước thuế**  
Q1/24

**1.28**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.70| 124%  
YoY: ▼3.27| -71.9%

**LN sau thuế**  
Q1/24

**1.02**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.33| 124%  
YoY: ▼2.62| -71.9%

**ROA**  
2023

**0.1%**

+/- YoY: ▼ 0.9%

**DT thuần**  
2023

**4,382**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼219| -4.8%

**LN trước thuế**  
2023

**1.32**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼19.3| -93.6%

**LN sau thuế**  
2023

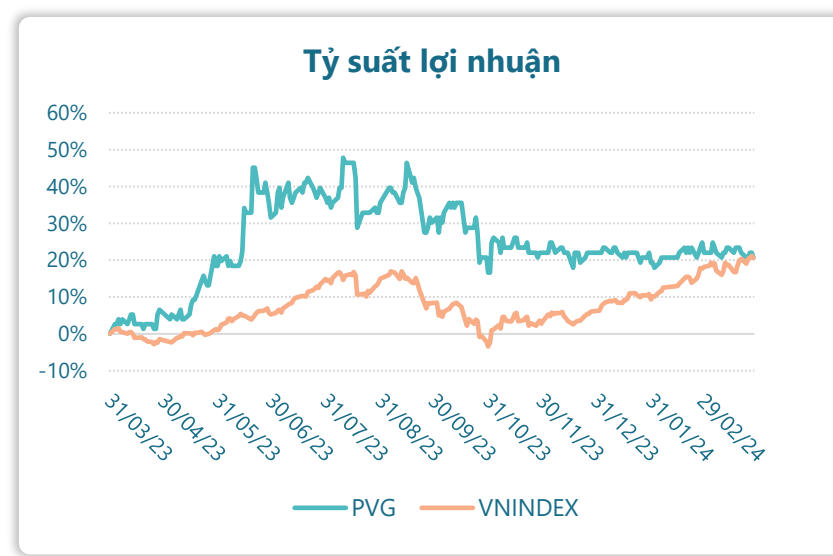
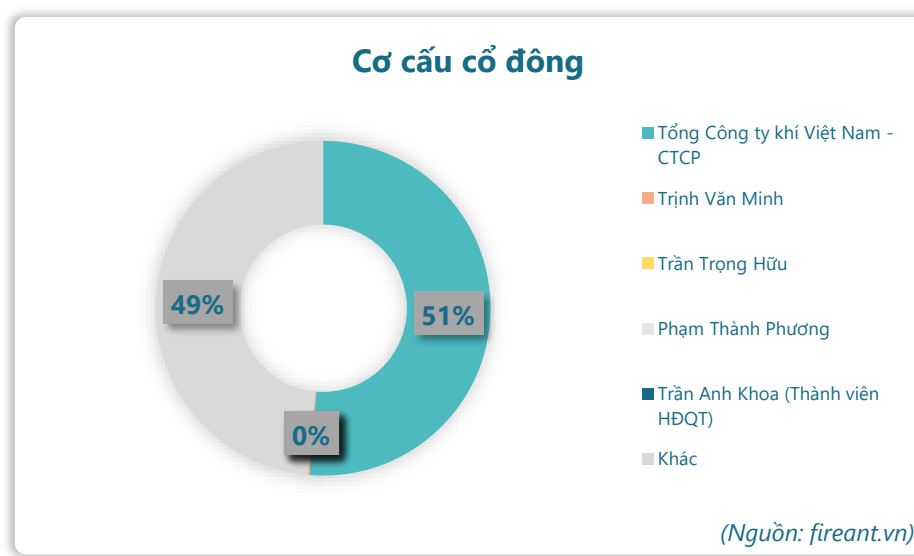
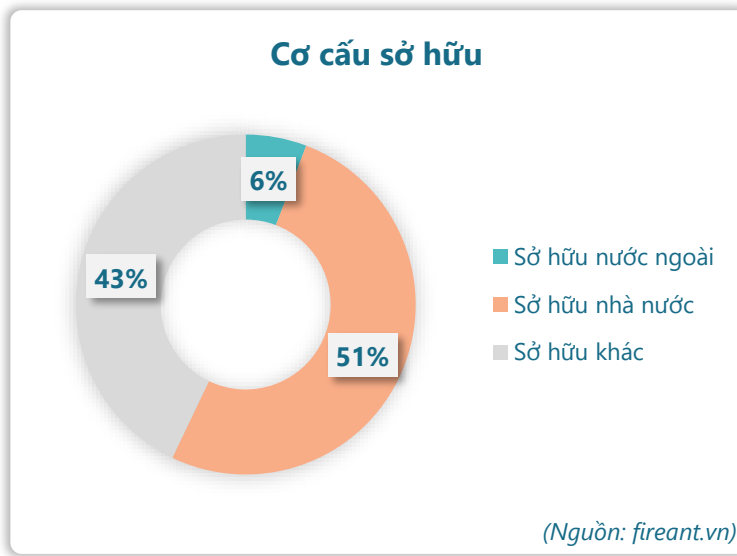
**1.09**  
tỷ VNĐ

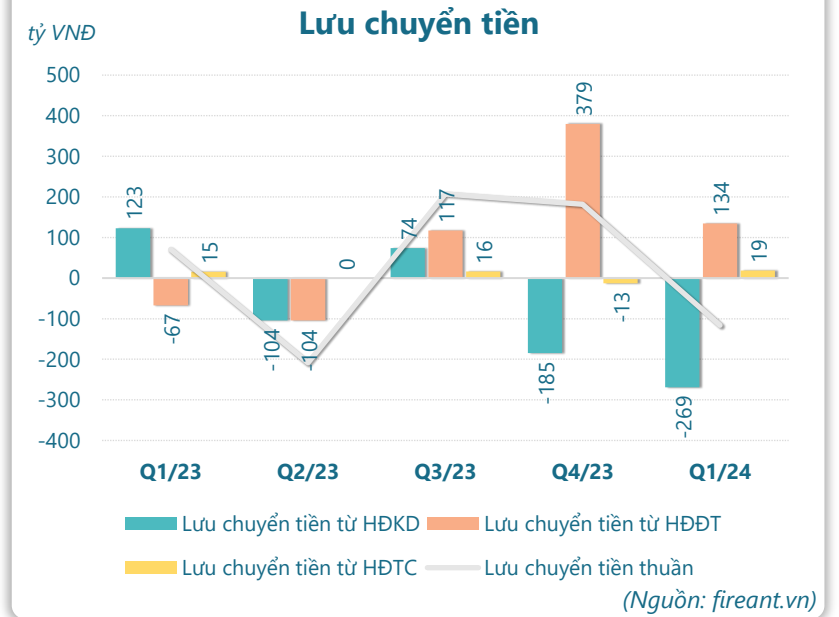
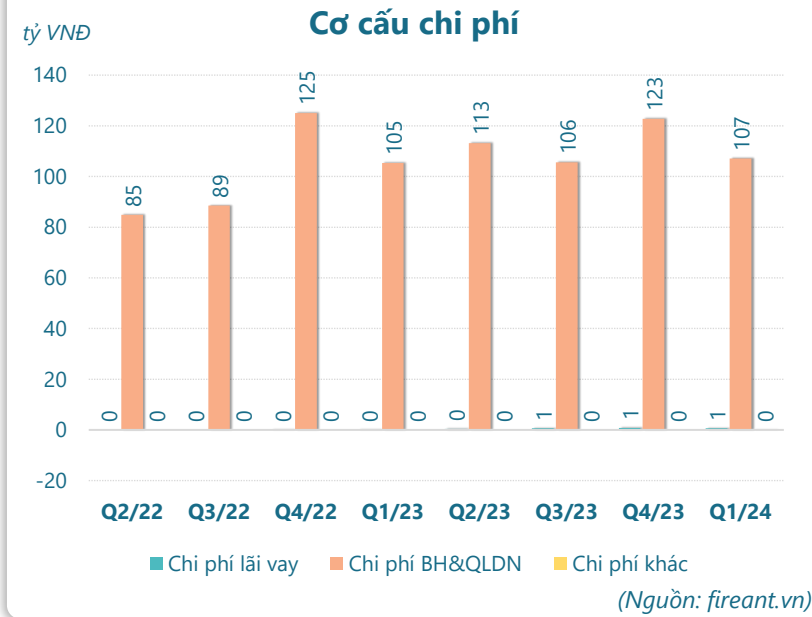
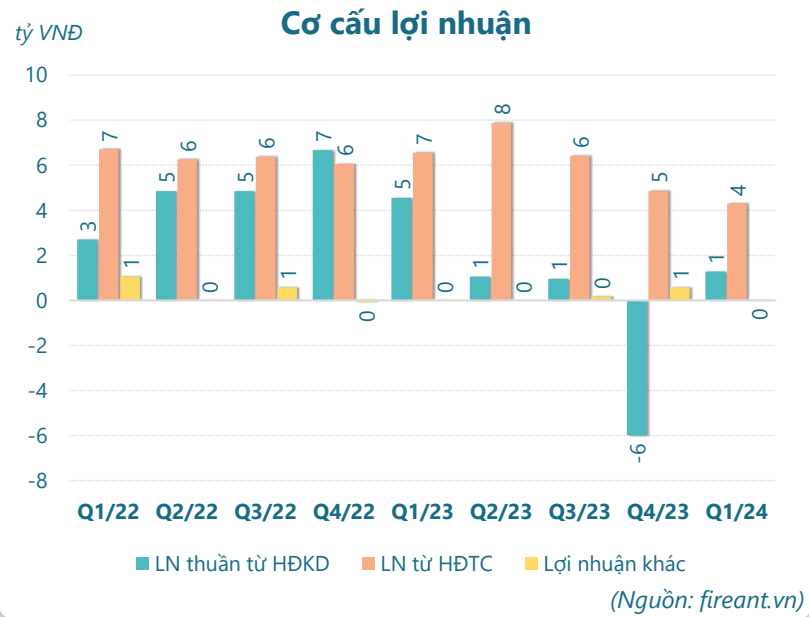
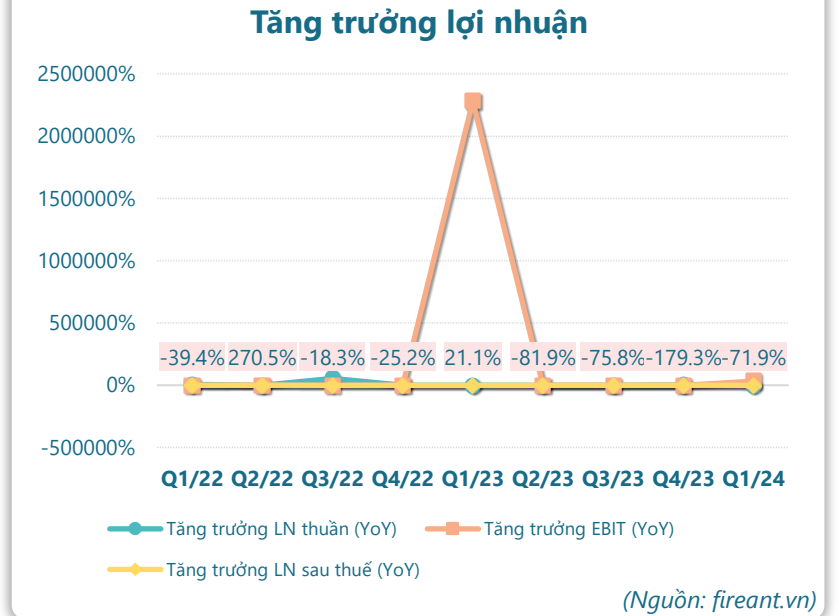
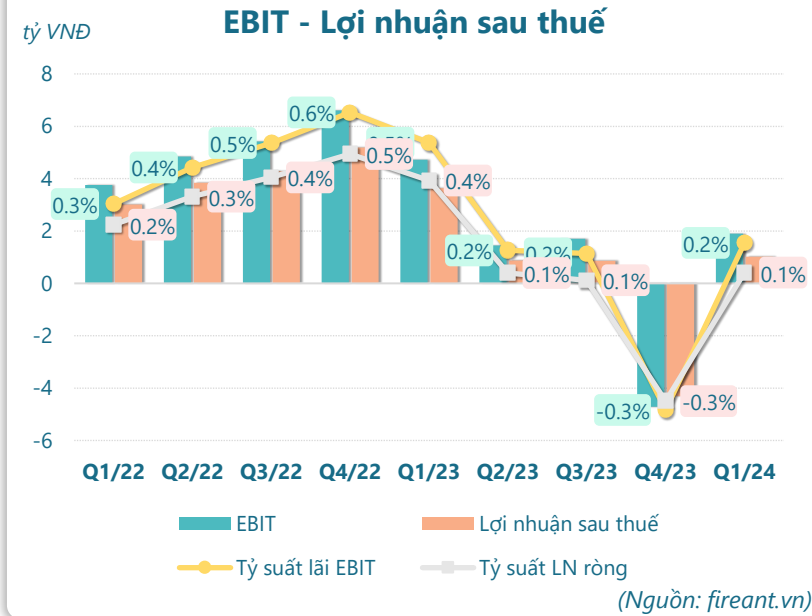
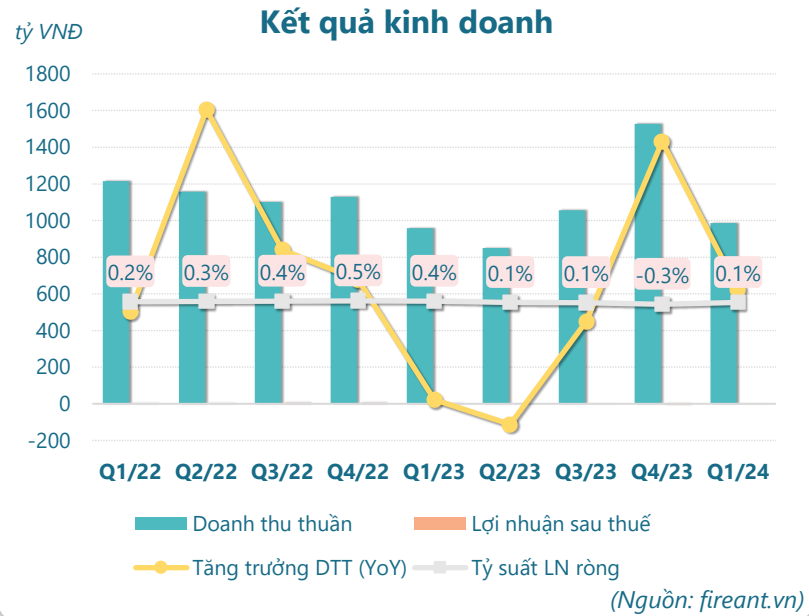
YoY: ▼15.2| -93.3%

**ROE**  
2023

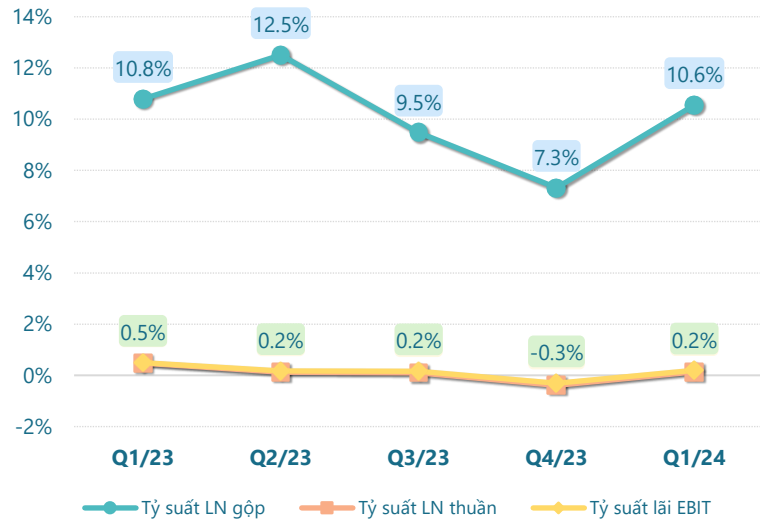
**0.2%**

+/- YoY: ▼ 3.1%



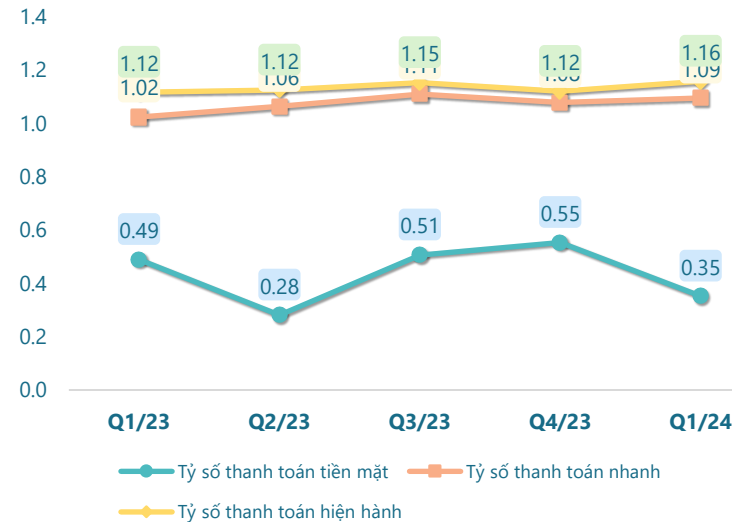


### Tỷ suất lợi nhuận



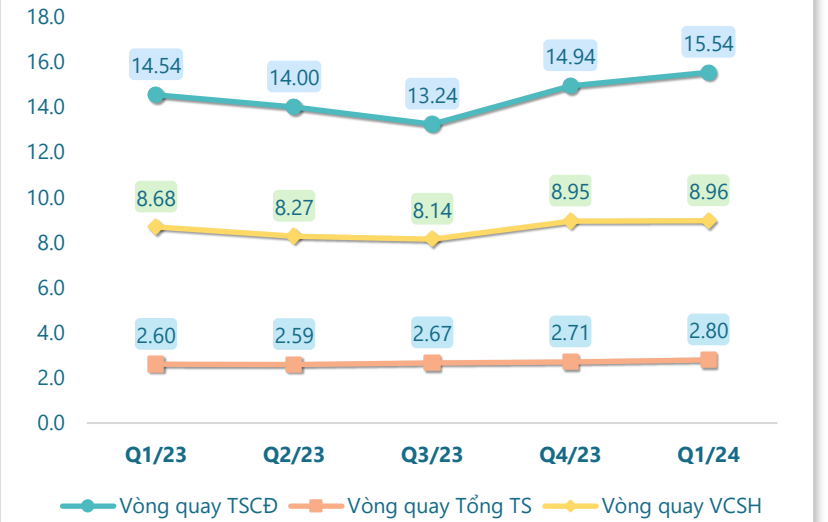
(Nguồn: fireant.vn)

### Chỉ số thanh khoản



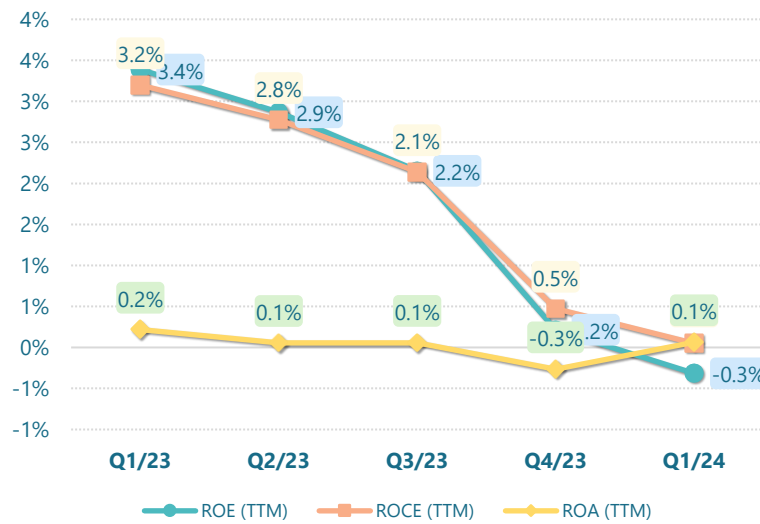
(Nguồn: fireant.vn)

### Vòng quay tài sản



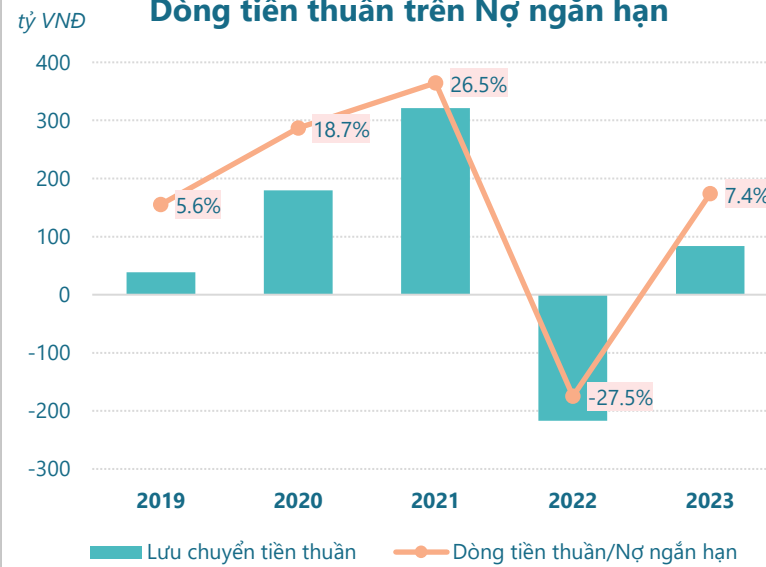
(Nguồn: fireant.vn)

### Tỷ suất sinh lợi



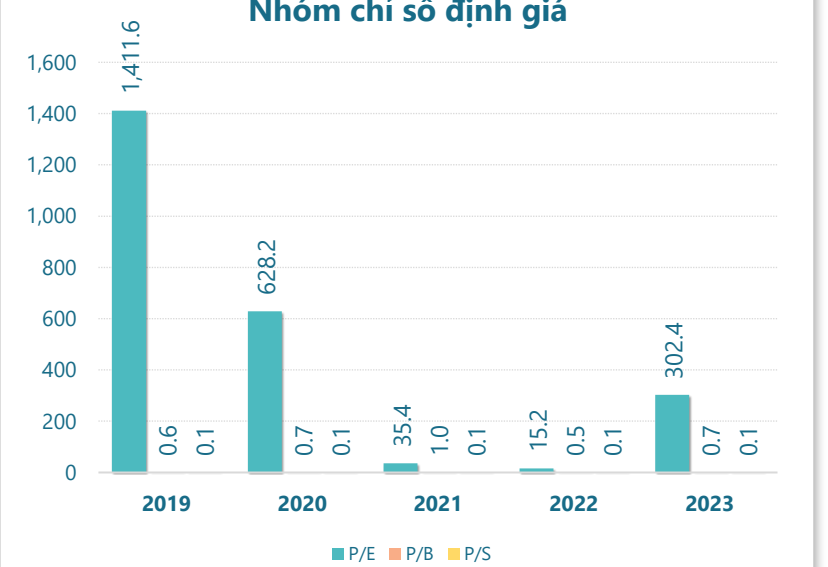
(Nguồn: fireant.vn)

### Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

### Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)